

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6,0 điểm) Tick vào ô trống trước kết quả đúng.

Câu 1: (0,5 điểm) Phân số $\frac{834}{10}$ được viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 83,4 B. 8,34 C. 0,834 D. 0,0834

Câu 2: (0,5 điểm) Số thập phân 3,0500 được viết dưới dạng gọn nhất là:

- A. 3,5 B. 3,05 C. 3,050 D. 30,5

Câu 3: (0,5 điểm) Biết $0,9 < x < 1,2$. Vậy số tự nhiên x là:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 4: (0,5 điểm) Số lớn nhất trong các số 6,789; 6,897; 6,978; 6,987 là:

- A. 6,789 B. 6,897 C. 6,978 D. 6,987

Câu 5: (0,5 điểm) Số thích hợp viết vào chỗ chấm của $15\text{m}^2 7\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$ là:

- A. 15,7 B. 15,07 C. 157 D. 1,57

Câu 6: (0,5 điểm) Số thích hợp viết vào chỗ chấm của $3\text{kg } 5\text{g} = \dots\dots\dots \text{kg}$ là:

- A. 3,5 B. 3,05 C. 3,005 D. 30,05

Câu 7: (0,5 điểm) Số thích hợp để viết vào chỗ chấm: $2,5 \text{ tấn} = \dots\dots\dots \text{kg}$ là:

- A. 2500 B. 2005 C. 2050 D. 250

Câu 8: (0,5 điểm) Kết quả của phép tính $3,5 : 0,1 = \dots\dots\dots$ là:

- A. 35 B. 0,035 C. 350 D. 0,35

Câu 9: (0,5 điểm) Kết quả của phép tính $4,05 \times 100 = \dots\dots\dots$ là:

- A. 45 B. 0,45 C. 450 D. 405

Câu 10: (0,5 điểm) 10% của 100000 đồng là:

- A. 10000 đồng B. 1000 đồng C. 100 đồng D. 10 đồng

Câu 11: (0,5 điểm) Kết quả của phép tính: $5,75 + 7,8 + 4,25 + 2,2$ là:

- A. 10 B. 20 C. 30 D. 40

Câu 12: (0,5 điểm) Một vườn cây hình chữ nhật có chiều dài 15,62m và chiều rộng 8,4m. Chu vi của vườn cây đó là:

- A. 84,04m B. 40,84m C. 48,04m D. 84,4m

II. PHẦN TỰ LUẬN (4,0 điểm)

Câu 13: (1,0 điểm) Thực hiện đặt tính ra giấy nháp và nhập kết quả của phép tính:

$$216,4 + 23,75$$

$$86,4 - 25,36$$

$$51,63 \times 2,7$$

$$23.56 : 6,2$$

Câu 14: (2,0 điểm) Một hình chữ nhật có chiều dài 3,2m và chiều rộng 1,6m. Tính chu vi và diện tích của hình chữ nhật đó?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 15: (1,0 điểm) Tính giá trị của biểu thức và nhập kết quả cuối cùng:

$$2,125 + 5\frac{3}{8} + 7,15 + 6\frac{17}{20} + 7,5$$